

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

NĂM HỌC 2024-2025

(Thời điểm báo cáo ngày 31 tháng 12 năm 2024)

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên cơ sở giáo dục: Trường THCS Trần Hưng Đạo

2. Địa chỉ trụ sở chính và các địa chỉ hoạt động khác:

Địa điểm trụ sở chính: Trường Trung học cơ sở Trần Hưng Đạo – Khu 3 Phường Quảng Yên - Thị xã Quảng Yên – Tỉnh Quảng Ninh.

- Số điện thoại: 0203.3547811;

3. Web: <http://http://quangyen.quangninh.edu.vn/c2tranhungdao/Home.aspx>

4. Loại hình của trường: Công lập.

Cơ quan quản lý trực tiếp: UBND thị xã Quảng Yên.

5. Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu của cơ sở giáo dục:

Sứ mạng: Xây dựng nhà trường đạt chuẩn quốc gia mức độ 1, kiểm định chất lượng mức độ 2; xây dựng môi trường giáo dục lành mạnh, có chất lượng giáo dục bền vững; phấn đấu để mọi học sinh chăm ngoan, học giỏi, phát triển toàn diện phẩm chất, năng lực.

Tầm nhìn: Là một trường THCS có chất lượng của thị xã Quảng Yên, tỉnh Quảng Ninh, đào tạo học sinh trở thành những công dân có phẩm chất đạo đức tốt, yêu Tổ quốc Việt Nam XHCN; có trình độ cao về kiến thức, ham học hỏi, sáng tạo; tự tin và linh hoạt trong cuộc sống.

Mục tiêu: Xây dựng nhà trường có uy tín về chất lượng giáo dục, là mô hình giáo dục chất lượng phát triển và bền vững, hiện đại, tiên tiến phù hợp với xu thế phát triển của đất nước và thời đại; Nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện và giáo dục mũi nhọn cho học sinh.

6. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của cơ sở giáo dục:

Nằm tại trung tâm Thị xã Quảng Yên – một vùng đất giàu truyền thống văn hóa và lịch sử, Trường THCS Trần Hưng Đạo là ngôi trường cấp II duy nhất trong toàn Tỉnh. Trải qua 75 năm xây dựng và phát triển cùng với thời gian ngôi

trường còn chứng kiến rất nhiều thăng trầm của lịch sử. Trường khi đó được xây dựng gồm 3 phân khu (dãy nam, dãy nữ, khu dành cho người Pháp học) dãy phòng học nhà Pháp hiện nay của nhà trường là khu dành cho Nam sinh học. Trước năm 1949 là trường cấp 1 (có trường nam và trường nữ). Đến năm 1949 thì xóa trường cấp 1 và thành lập trường cấp 2 Trần Quốc Tuấn do đô đốc học Tỉnh trưởng giúp đỡ (trường là tấm gương sáng nhất tỉnh Quảng Ninh về học tập và tạo nên phong trào học tập sau này bởi các thế hệ học sinh từ mọi miền về trường theo học).

Qua quá trình đào tạo, nhà trường đã chắp cánh cho nhiều thế hệ học sinh: Hiện diện ở các tuyến đầu bảo vệ Tổ quốc, từ thành phố đến biên giới, hải đảo; Cử nhân, Thạc sĩ, Tiến sĩ đang công tác trong các lĩnh vực như nghiên cứu khoa học, y tế, giáo dục, văn hóa, nghệ thuật và doanh nghiệp. Học sinh trưởng thành từ mái trường Trần Hưng Đạo không chỉ là những công dân ưu tú mà còn góp phần xây dựng quê hương, đất nước ngày càng phát triển.

Đội ngũ giáo viên nhà trường luôn được đánh giá cao với phẩm chất chính trị vững vàng và năng lực chuyên môn tốt. Nhiều giáo viên đạt danh hiệu giáo viên giỏi cấp tỉnh, cấp thị xã, được các cấp khen thưởng hàng năm. Với sự sáng tạo và đổi mới trong quản lý và giảng dạy, nhà trường luôn duy trì chất lượng giáo dục bền vững. Nhiều năm liền được công nhận là “Tập thể lao động tiên tiến”, “Tập thể lao động tiên tiến xuất sắc”;

Thông tin người đại diện pháp luật:

Họ và tên: Vũ Thị Giang, chức vụ: Bí thư chi bộ, Hiệu trưởng;

Địa chỉ nơi làm việc: Trường THCS Trần Hưng Đạo;

Số điện thoại: 0865526338;

Địa chỉ thư điện tử: yuthigiang.c2tranhungdao@pgdquangyen.edu.vn.

II. ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ, NHÂN VIÊN

* Tổng số cán bộ, giáo viên, nhân viên: 31 người

- Tổng số CB-GV-NV: 31 Nữ: 26

Trong đó: CBQL: 02; GV: 26; NV: 3

+ Số lượng GV đạt chuẩn: 17, trên chuẩn: 01 (Trình độ CB-GV: 01 thạc sĩ; 16 đại học; 01 cao đẳng).

+ Số lượng CBQL, GV hoàn thành các Chương trình bồi dưỡng hàng năm theo quy định: 28 (100%)

Trong đó: - BGH: 02 (Hiệu trưởng: 01; Phó hiệu trưởng: 01)

- Giáo viên: 26, trong đó: biên chế: 26, hợp đồng trong chỉ tiêu biên chế:

0.

Tỷ lệ giáo viên / lớp: 26/14 = 1,86.

-Nhân viên: 6, trong đó: biên chế: 03, hợp đồng trong chỉ tiêu biên chế: 0; Hợp đồng thời vụ của trường: 03 (Bảo vệ: 02; Lao công: 01).

-Số lượng giáo viên đủ các bộ môn đủ đáp ứng được yêu cầu giảng dạy và việc thực hiện nhiệm vụ năm học. Giáo viên có chuyên môn tốt, là những đồng chí có phẩm chất đạo đức tốt, trình độ chuyên môn nghiệp vụ vững vàng, có tinh thần trách nhiệm cao.

-Các đồng chí nhân viên hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao, được đảm bảo các chế độ, chính sách theo quy định.

1.Đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên theo nhóm vị trí việc làm và trình độ đào tạo

- Giáo viên

TT	Môn	Giáo viên		Đăng viên	Biênchế	Hợp đồng	Trình độ chuyên môn			
		Tổng	Nữ				>ĐH	ĐH	CD	Khác
1	Toán học	6	6	6	7	0	2	4	0	0
2	Ngữ văn	7	7	7	7	0	1	6	0	0
3	Tiếng Anh	3	3	1	3	0	0	3	0	0
4	KHTN	3	3	3	3	0	0	3	0	0
5	LS ĐL	3	2	2	3	0	0	3	0	0
6	GDCD	1	1	1	1	0	0	1	0	0
7	Công nghệ	1	1	1	1	0	0	1	0	0
8	GDTC	1	0	1	1	0	0	1	0	0
9	Nghệ thuật	1	0	0	1	0	0	1	0	0
10	Tin học	1	0	1	1	0	0	1	0	0

2- Cán bộ quản lý, nhân viên

TT	Môn	Số lượng		Đăng viên	Biênchế	Hợp đồng	Trình độ chuyên môn			
		Tổng	Nữ				>ĐH	ĐH	CD	Khác
1	Hiệu trưởng	1	1	1	1		1			
2	Phó Hiệu trưởng	1		1	1			1		

3	Kế toán	1	1		1				1	
4	Văn thư	0								
5	Thủ quỹ	1	1	1	1				1	
6	Thư viện	1	1	1	1			1		
7	TB-PTH	0								
8	Y tế	0								
9	Bảo vệ	2				2				2
10	Phục vụ	0								

3.Số lượng, tỷ lệ giáo viên, cán bộ quản lý đạt chuẩn nghề nghiệp theo quy định:

-CBQL: 1 đồng chí Hiệu trưởng được cấp trên đánh giá chuẩn nghề nghiệp mức độ tốt

-CBQL: 1 đồng chí Phó hiệu trưởng được cấp trên đánh giá chuẩn nghề nghiệp mức độ Tốt

- Giáo viên: 25 đồng chí giáo viên đạt loại tốt đạt tỉ lệ: 100%

- Số lượng, tỷ lệ giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên hoàn thành bồi dưỡng hằng năm theo quy định: 30/30=100% (trong đó 02 CBQL, 25 GV, 3 NV)

III. CƠ SỞ VẬT CHẤT

1. Cơ sở vật chất- diện tích đất, thiết bị dạy học

STT	Nội dung	Số lượng, hạng mục (số lượng/m ²)		Bình quân tối thiểu cho 01 học sinh	
		Thực trạng hiện có	Yêu cầu tối thiểu theo quy định	Thực trạng hiện có (số m ² /01HS)	Yêu cầu tối thiểu theo quy định (số m ² /01 HS)
I	Tổng diện tích khu đất xây dựng trường (m²)	5672,3m ²	-	9,4 m ²	-
II	Số điểm trường	01	-	-	-
III	Tổng số phòng, hạng mục			-	-
1	Khối phòng hành chính quản trị		-	-	-
1.1	Phòng Hiệu trưởng	1/21m ²	-	-	-
1.2	Phòng Phó Hiệu trưởng	1/20m ²	-	-	-
1.3	Phòng Kế toán	1/20m ²	-	-	-

1.4	Phòng Văn thư -Thủ quỹ	1/20m ²	-	-	-
1.5	Phòng Y tế	1/15m ²	-	-	-
1.6	Phòng bảo vệ	1/12m ²	-	-	-
1.7	Khu vệ sinh GV	2/15m ²			
1.8	Khu để xe GV	1/60m ²			
			-	-	-
2	Khối phòng học tập		-	-	-
2.1	Số phòng học/số lớp	14/14	-	-	-
2.2	Loại phòng học		-	-	-
	- Phòng học kiên cố	14	-	-	-
	- Phòng học bán kiên cố	0	-	-	-
	- Phòng học tạm	0	-	-	-
	- Phòng học nhờ, mượn	0	-	-	-
	- Phòng bộ môn Âm nhạc	0	-	-	-
	- Phòng bộ môn Mỹ thuật	0	-	-	-
	- Phòng bộ môn Tin học	1/40m ²	1	-	-
	- Phòng bộ môn Tiếng Anh	0	1	-	-
	- Phòng bộ môn Công nghệ	1/60m ²	1	-	-
	- Phòng bộ môn KHTN	2/60m ²	1	-	-
3	Khối phòng hỗ trợ học tập		-	-	-
3.1	Phòng Thư viện	1/50m ²	1	-	-
3.2	Phòng tư vấn HS	1/15m ²	1	-	-
3.3	Phòng Truyền thống	1/60m ²	1	-	-
3.4	Phòng Đoàn đội	1/15m ²	1	-	-
STT	Nội dung	Số lượng, hạng mục (số lượng/m²)		Bình quân tối thiểu cho 01 học sinh	
		Thực trạng hiện có	Yêu cầu tối thiểu theo quy định	Thực trạng hiện có (số m ² /01HS)	Yêu cầu tối thiểu theo quy định (số m ² /01 HS)
4	Khối phụ trợ	1/100m ²	-	-	-
4.1	Phòng HĐ	0	-	-	-
4.2	Phòng Tổ KHTN	0	-	-	-

4.3	Phòng tổ KHXH	1/15m ²	-	-	-
4.4	Phòng Y Tế	1/20m ²	-	-	-
4.5	Nhà Kho	1/60m ²	-	-	-
4.6	Khu để xe HS	1/40m ²	-	-	-
4.7	Khu vệ sinh HS	Đảm bảo	-	-	
4.8	Cổng, hàng rào	2.386m ²	-	-	-
5	Khu sân chơi , TDTT	1			
5.1	Sân chung	1/200m ²			
5.2	Sân TDTT	1/120m ²			
6	Khởi phục vụ sinh hoạt			-	-
7	Hạ tầng kỹ thuật			-	-
a	...			-	-
IV	Tổng số thiết bị dạy hiện có (Đơn vị tính: bộ)			Số lượng	Số bộ/lớp
1	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu theo quy định hiện có				
1.1	Khối lớp 6			2	
1.2	Khối lớp 7			2	
1.3	Khối lớp 8			2	
1.4	Khối lớp 9			2	
2	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu còn thiếu so với quy định				
2.1	Khối lớp 6			5	
2.2	Khối lớp 7			5	
2.3	Khối lớp 8			5	
2.4	Khối lớp 9			4	
VIII	Tổng số máy vi tính đang được sử dụng phục vụ học tập (Đơn vị tính: bộ)			0	Số học sinh/bộ
IX	Tổng số thiết bị dùng chung khác				Số thiết bị/lớp
1	Ti vi			3	
2	Cát xét			2	
3	Đầu Video/đầu đĩa			0	

4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	13 màn hình tương tác và 1 máy chiếu	
5	Thiết bị khác...	Đàn:1	
			

	Nội dung	Số lượng phòng, tổng diện tích (m ²)	Số chỗ	Diện tích bình quân/chỗ
XII	Phòng nghỉ cho học sinh bán trú	/	/	/
XIII	Khu nội trú	/	/	/

XIV	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m ² /học sinh	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	1	1	/	/	Nam: 0,22m ² /HS Nữ: 0,25m ² /HS
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*	0	0	/	/	/

(*Theo Thông tư số 28/2020/TT-BGDĐT ngày 04/9/2020 của Bộ GDĐT ban hành Điều lệ trường tiểu học; Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15/9/2020 của Bộ GDĐT ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học và Thông tư số 27/2011/TT-BYT ngày 24/6/2011 của Bộ Y tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nhà tiêu- điều kiện bảo đảm hợp vệ sinh).

		Có	Không
XV	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	X	
XVI	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	X	
XVII	Kết nối internet	X	
XVIII	Trang thông tin điện tử (website) của trường	X	
XIX	Tường rào xây	X	

	Nội dung	Số lượng(m ²)
X	Nhà bếp	Không
XI	Nhà ăn	Không

2. Danh mục sách giáo khoa sử dụng trong cơ sở giáo dục đã được các cơ quan thẩm quyền phê duyệt

XX	Danh mục sách giáo khoa sử dụng trong cơ sở giáo dục đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt 6,7,8,9		
TT	Tên sách	Tên tác giả	Nhà xuất bản
1	Danh mục sách giáo khoa I		
1.1	Ngữ văn Tập 1 <i>(Cánh Diều)</i>	Nguyễn Minh Thuyết (Tổng chủ biên), Đỗ Ngọc Thống (chủ biên), Lê Huy Bắc, Phạm Thị Thu Hiền, Phạm Thị Thu Hương, Nguyễn Văn Lộc, Trần Nho Thìn	Đại học Sư phạm TP Hồ Chí Minh
	Ngữ văn Tập 2 <i>(Cánh Diều)</i>	Nguyễn Minh Thuyết (Tổng chủ biên), Đỗ Ngọc Thống (chủ biên), Bùi Minh Đức, Phạm Thị Thu Hiền, Nguyễn Văn Lộc, Trần Nho Thìn, Trần Văn Toàn	Đại học Sư phạm TP Hồ Chí Minh
1.2	Toán Tập 1 <i>(Cánh Diều)</i>	Đỗ Đức Thái (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Lê Tuấn Anh, Đỗ Tiến Đạt, Nguyễn Sơn Hà, Nguyễn Thị Phương Loan, Phạm Sỹ Nam, Phạm Đức Quang	Đại học Sư phạm
	Toán Tập 2 <i>(Cánh Diều)</i>	Đỗ Đức Thái (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Lê Tuấn Anh, Đỗ Tiến Đạt, Nguyễn Sơn Hà, Nguyễn Thị Phương Loan, Phạm Sỹ Nam, Phạm Đức Quang	Đại học Sư phạm
1.3	Tiếng Anh Tập 1 <i>I-Learn Smart Word</i>	Võ Đại Phúc (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên)	Đại học Sư phạm TP Hồ Chí Minh
	Tiếng Anh Tập 2 <i>I-Learn Smart Word</i>	Võ Đại Phúc (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên)	Giáo dục Việt Nam
1.4	Giáo dục công dân <i>(Cánh Diều)</i>	Trần Văn Thắng (Tổng Chủ biên), Nguyễn Thị Thu Hoài, Nguyễn Thúy Quỳnh, Mai Thu Trang	Đại học Sư phạm TP Hồ Chí Minh
1.5	Khoa học tự nhiên <i>Cánh diều</i>	Mai Sỹ Tuấn (Tổng chủ biên), Nguyễn Văn Khánh; Đặng Thị Oanh(Đồng chủ biên)	Đại học Sư phạm
1.6	Lịch sử và Địa lí <i>(Cánh Diều)</i>	Đỗ Thanh Bình, Nguyễn Viết Thịnh (Tổng Chủ biên), Trần Viết Lưu, Nguyễn Văn Ninh, Đỗ Thị Minh Đức (đồng Chủ biên), Phạm Thị Kim Anh, Nguyễn Văn Dũng, Nguyễn Phùng Tám, Kiều Văn Hoan, Ngô Thị Hải Yến	Đại học Sư phạm

1.7	Tin học <i>(Kết nối tri thức với cuộc sống)</i>	Nguyễn Chí Công, Hà Đăng Cao Tùng, Đinh Thị Hạnh Mai, Hoàng Thị Mai	Giáo dục Việt Nam
1.8	Công nghệ <i>(Kết nối tri thức với cuộc sống)</i>	Lê Huy Hoàng (Tổng chủ biên), Trương Thị Hồng Huệ- Lê Xuân Quang- Vũ Thị Ngọc Thủy- Nguyễn Thanh Thịnh- Vũ Cẩm Tú	Giáo dục Việt Nam
1.9	Âm nhạc <i>(Kết nối tri thức với cuộc sống)</i>	Hoàng Long-Đỗ Thị Minh Chính (Tổng chủ biên	Giáo dục Việt Nam
1.10	Mĩ thuật <i>(Cánh Diều)</i>	Phạm Văn Tuyên (Tổng chủ biên), - Ngô Thị Hương- Nguyễn Duy Khuê- Nguyễn Thị Hồng Thắm	Đại học Sư phạm
1.11	Giáo dục thể chất <i>(Cánh Diều)</i>	Lưu Quang Hiệp (Tổng chủ biên), Đinh Quang Ngọc (chủ biên), Đinh Khánh Thu, Mai Thị Bích Ngọc, Nguyễn Văn Thành	Đại học Sư phạm
1.12	Hoạt động trải nghiệm, Hướng nghiệp <i>(Cánh Diều)</i>	Nguyễn Đức Quang (Tổng Chủ biên), Nguyễn Đức Sơn(chủ biên) Đàm Thị Vân Anh-Bùi Thanh Xuân	Đại học Sư phạm

IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

1. Kết quả tự đánh giá theo Thông tư hiện hành về Kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận trường đạt chuẩn quốc gia.

1.1. Đánh giá các tiêu chí theo kiểm định chất lượng:

1.1.1. Đánh giá tiêu chí mức 1, 2 và 3.

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Kết quả				Nội dung không đạt
	Không đạt	Đạt			
		Mức 1	Mức 2	Mức 3	
Tiêu chuẩn 1: Tổ chức và quản lý nhà trường					
Tiêu chí 1.1			x		
Tiêu chí 1.2			x		

Tiêu chí 1.3			X		
Tiêu chí 1.4			X		
Tiêu chí 1.5		X			Tỉ lệ 38HS/lớp
Tiêu chí 1.6			X		
Tiêu chí 1.7			X		
Tiêu chí 1.8			X		
Tiêu chí 1.9			X		
Tiêu chí 1.10			X		
Tiêu chuẩn 2: Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh					
Tiêu chí 2.1			X		
Tiêu chí 2.2			X		
Tiêu chí 2.3			X		
Tiêu chí 2.4			X		
Tiêu chuẩn 3: Cơ sở vật chất và thiết bị dạy học					
Tiêu chí 3.1			X		
Tiêu chí 3.2			X		
Tiêu chí 3.3			X		
Tiêu chí 3.4			X		

Tiêu chí 3.5					Chưa đạt do chưa có máy tính dạy cho HS(chưa cấp) Còn thiếu thiết bị dạy học bộ môn
Tiêu chí 3.6					Thư viện chưa đạt chuẩn do diện tích thư viện nhỏ
Tiêu chuẩn 4: Quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội					
Tiêu chí 4.1			X		
Tiêu chí 4.2			X		
Tiêu chuẩn 5					
Tiêu chí 5.1			X		
Tiêu chí 5.2			X		
Tiêu chí 5.3			X		
Tiêu chí 5.4			X		
Tiêu chí 5.5			X		
Tiêu chí 5.6			X		

Kết luận: Phần đầu đạt kiểm định chất lượng giáo dục: 02.

1.2. *Đánh giá theo Chuẩn quốc gia:* Phần đầu đạt Chuẩn quốc gia Mức độ 1.

2. Kế hoạch cải tiến.

2.1. Năm học 2024-2025

Thực hiện phát triển chiến lược nhà trường giai đoạn 2020-2025 và định hướng đến 2030, các kế hoạch chiến lược hằng năm, kế hoạch trung hạn, kế hoạch dài hạn. Đảm bảo tốt việc quản lý hành chính, học chính và tài chính;

Tích cực đổi mới công tác dạy học, tổ chức các hoạt động giáo dục nâng cao năng lực cá nhân từng học sinh. Đổi mới công tác bồi dưỡng giáo viên, chú trọng việc tự học, tự bồi dưỡng của giáo viên và bồi dưỡng nâng cao năng lực và dạy và học Tiếng Anh;

Tham mưu, đề xuất với các cấp, các ngành đầu tư thêm cơ sở vật chất cho nhà trường đáp ứng yêu cầu trường chuẩn Quốc gia (mức độ 2) và để đảm bảo đáp ứng dạy và học cũng như tổ chức các hoạt động giáo dục khác; xây dựng thêm phòng học bộ môn đáp ứng nhu cầu và các điều kiện cho dạy và học, từng bước đầu tư trang thiết bị dạy học để đáp ứng yêu cầu đổi mới;

Quản lý tốt các hoạt động giáo dục, nâng cao chất lượng 2 mặt giáo dục của học sinh. Thực hiện hiệu quả đổi mới chương trình giáo dục phổ thông 2018

Tiếp tục hoàn thiện hồ sơ, đề nghị Phòng GD&ĐT, Sở GD&ĐT kiểm tra, tư vấn.

2.2. Nội dung thực hiện những năm tiếp theo.

Tiếp tục quan tâm bồi dưỡng đội ngũ, phát huy vai trò nòng cốt để nhân rộng tấm gương điển hình nhằm phát huy năng lực của người dạy. Tạo điều kiện để giáo viên tham gia các lớp bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ, nâng chuẩn, bồi dưỡng ngoại ngữ, tin học.

Đảm bảo tốt các chế độ chính sách cho đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên và các chế độ chính sách cho học sinh.

Tiếp tục tham mưu, đề xuất với các cấp, các ngành sớm hoàn thiện thêm cơ sở vật chất cho nhà trường đảm bảo để duy trì trường chuẩn.

Phát huy tối đa sự tham gia của cộng đồng và cha mẹ học sinh vào tất cả các hoạt động của nhà trường để nâng cao chất lượng. Quản lý tốt các hoạt động giáo dục, nâng cao chất lượng 2 mặt giáo dục của học sinh. Tiếp tục triển khai và thực hiện hiệu quả việc rút kinh nghiệm đổi mới chương trình giáo dục phổ thông 2018

V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC

1. Thông tin tuyển sinh:

- Số hs tuyển sinh đầu cấp (lớp 6): 108 hs trong đó 108 hs đúng tuyển, 0 hs trái tuyển

2. Công khai thông tin chất lượng giáo dục thực tế năm học trước (năm học 2023-2024)

ST T	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp				
			Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9	
I	Kết quả tuyển sinh	587	210	136	117	124	
II	Tổng số học sinh theo từng khối						
1	Số lượng học sinh nam/học sinh nữ	298/289	101/109	72/64	59/58	66/58	
2	Học sinh là người dân tộc thiểu số	2	1	0	1	0	
3	Học sinh khuyết tật	12	4	2	4	2	
III	Số học sinh bình quân/lớ p theo từng khối	587/14	42	45	39	41	
IV	Số học sinh học 2 buổi/ng ày	455	170	95	90	100	

V	Số lượng học sinh chuyển trường	2	1	0	0	1	
VI	Số lượng học sinh được tiếp nhận học tại trường	587	210	136	117	124	
VII	Kết quả học tập, học lực và rèn luyện, hạnh kiểm của học sinh						
1	Số học sinh chia theo kết quả học tập-học lực						
a	Tốt -Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	104 17.7%	40 19.1 %	26 19.1%	16 13.7%	22 17.7%	
b	Khá - Khá (tỷ lệ so với tổng số)	71 ² 46.2%	98 46.7%	66 48.5%	56 47.9%	51 41.1%	

c	Đạt -TB (tỷ lệ so với tổng số)	2 09	71	44	44	51	
		35.6%	33.3%	32.4%	37.6%	41.1%	
d	Chưa đạt (tỷ lệ so với tổng số)	2	1		1		
		0.5%	1%	0 %	2.4 %	0%	
2.	Số học sinh chia theo kết quả rèn luyện- hạnh kiêm						
a	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	4 81	1 76	1 31 96.3 %	9 6 82.1 %	78 62.9 %	
		81,94%	83,8%				
b	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	104	34	5	19	46	
		17.7	16.2%	3.7%	16.2%	37.1%	
c	Đạt -TB (tỷ lệ so với tổng số)	2			0 2		
		0.3%	0%	0 %	1.7%	0%	
d	Chưa đạt – yếu (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0	
ST	Nội						
T	dung						
IX	Tổng hợp kết						

	quả cuối năm						
1	Lên lớp (tỷ lệ so với tổng số)	584 99,5%	209 99,5%	136 100%	116 99,1%	124 100%	
a	Trong đó: HS được khen thưởng cấp trường (tỷ lệ so với tổng số)	104 17,7%	40 19.1 %	26 19.1%	16 13.7%	22 17.7%	
b	HS được cấp trên khen thưởng (tỷ lệ so với tổng số)						
	Thị xã						
	Tỉnh						
2	Ở lại lớp (tỷ lệ so với tổng số)	2 0.5%	1 1%	0 %	1 2.4 %	0%	
X	Số lượng học sinh được công nhận hoàn thành chương trình						

	Trung học cơ sở	124/124	0	0	0	124/124	
XI	Số lượng học sinh được cấp bằng tốt nghiệp						
	Tốt nghiệp THCS	124/124	0	0	0	124/124	
XII	Số lượng học sinh trúng tuyển vào các cơ sở giáo dục nghề nghiệp (đối với cấp THCS và THPT)						
	Vào 10 công lập	50/124	0	0	0	50/124	

VII. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHÁC

1. Công tác bồi dưỡng học sinh giỏi phụ đạo học sinh yếu kém

1.1. Công tác phát hiện bồi dưỡng học sinh giỏi

Thực hiện Quyết định số 2324/QĐ-UBND ngày 09/8/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh về việc ban hành khung Kế hoạch thời gian năm học 2024-2025 của giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh; Công văn số 2668/SGDDĐT-GDPT ngày 15/8/2024 của Sở Giáo dục và Đào tạo (GDĐT) Quảng Ninh; công văn số 890/PGDDĐT-

CMTHC ngày 19/8/2024 của PGD&ĐT thị xã Quảng Yên về việc hướng dẫn triển khai thực hiện nhiệm vụ giáo dục trung học năm học 2024-2025

-Công tác bồi dưỡng đội tuyển HSG hàng năm được nhà trường đặc biệt quan tâm. Việc tổ chức bồi dưỡng đội tuyển HSG được BGH nhà trường lên kế hoạch phân công cụ thể và tiến hành triển khai nghiêm túc theo kế hoạch. GV được phân công dạy là những giáo viên có năng lực, có kinh nghiệm và tâm huyết, không đòi hỏi sự thù lao nào.

-Phân công giáo viên có năng lực trình độ chuyên môn chuyên sâu bồi dưỡng. Xây dựng kế hoạch từ đầu năm học. Phát hiện, bồi dưỡng học sinh có năng khiếu trong các môn học. Hàng tuần có lịch bồi dưỡng cụ thể. Coi trọng công tác bồi dưỡng HSG là mũi nhọn.

Kết quả HSG các cấp: (tính đến 31/12/2024); Tổng số 23 giải

+ Học sinh giỏi cấp huyện 10 học sinh giỏi văn hóa lớp 9 trong đó 02 giải nhất; 02 giải nhì; 04 giải ba và 02 giải KK

+ Giải KHKT thị xã: 1

+ Giải TDTT: 6

+ Giải vẽ tranh : 5

+ Giải video phòng chống ma túy: 2

1.2. Phụ đạo học sinh yếu kém

- Công tác phụ đạo, giúp đỡ học sinh yếu luôn được quan tâm đúng mức, được triển khai thực hiện bắt đầu từ đầu năm học

- Chất lượng đại trà, phụ đạo học sinh yếu kém được quan tâm. Nâng cao chất lượng dạy học, học thật, chất lượng thật.

2. Công tác triển khai thực hiện đổi mới phương pháp dạy học, đổi mới kiểm tra đánh giá.

-Triển khai Công văn số 2996/SGDĐT-GDPT ngày 20/9/2024 của Sở Giáo dục và Đào tạo (GDĐT) Quảng Ninh về việc hướng dẫn thực hiện kiểm tra, đánh giá từ năm học 2024-2025 và Công văn số 4148/SGDĐT-GDPT ngày 31/12/2024 của Sở Giáo dục và Đào tạo (GDĐT) Quảng Ninh về việc hướng dẫn thực hiện kiểm tra, đánh giá định kì đối với cấp THCS từ học kì II năm học 2024-2025

- Thực hiện sự chỉ đạo của Phòng Giáo dục Đào tạo thị xã Quảng Yên nhà trường đã tập huấn về chuyên môn cho tất cả các giáo viên ngay từ đầu năm. Tích cực đổi mới phương pháp dạy học theo định hướng phát triển năng lực học sinh.

Giúp HS tự tìm tòi phát hiện và tìm ra kiến thức cần nắm vững, tích cực sử dụng thiết bị dạy học, phiếu học tập... góp phần đem lại hiệu quả dạy học.

- Thực hiện nghiêm túc việc xây dựng đề kiểm tra giữa kì và cuối kì theo đúng công văn hướng dẫn

- Sinh hoạt tổ, nhóm chuyên môn tăng cường công tác chỉ đạo, quản lý về đổi mới phương pháp dạy học và kiểm tra, đánh giá; đổi mới nội dung sinh hoạt tổ chuyên môn theo hướng nghiên cứu nội dung bài giảng, tập trung thảo luận các chuyên đề, nội dung khó của môn học hoặc những phương pháp dạy học, cách thức tổ chức lớp học hiệu quả cho các nội dung đó. Chỉ đạo tổ chuyên môn lồng ghép nội dung này trong sinh hoạt cụm, chuyên đề các cấp.

** Những tồn tại hạn chế:* Một số giáo viên còn chưa tích cực đổi mới kiểm tra đánh giá, chủ yếu ở các giáo viên có tuổi. Vì vậy còn ảnh hưởng đến chất lượng nói chung.

1. Công tác Giáo dục đạo đức lối sống * Công tác chỉ đạo.

- Nhà trường triển khai nghiêm túc Công văn về Hướng dẫn triển khai công tác Giáo dục an toàn giao thông cấp THCS và THPT.

- Chỉ đạo các tổ chức đoàn thể trong nhà trường tham gia giao thông một cách an toàn không để xảy ra tình trạng vi phạm. Công trường không để ùn tắc, bán hàng, tụ tập đông người. Xây dựng Kế hoạch cụ thể trong năm học, ký kết giao ước các đợt cao điểm trong năm.

- Tích cực tuyên truyền nội dung này cho GV và HS. Lồng ghép nội dung đạo đức, lối sống trong các môn học như GDCD, MT, AN, NV có hiệu quả. Tổ chức các chuyên đề HĐGDNGLL, tham gia cuộc thi ANGT vì Nụ cười ngày mai...

**Kết quả đã đạt:* Trong năm học qua không có tình trạng HS bị thương tích vì tai nạn giao thông.

**Những tồn tại hạn chế:* Một số phụ huynh còn chưa ý thức cao trong việc nhắc nhở phối hợp cho HS khi tham gia giao thông, còn để HS đi xe điện tùy tiện.

4.Công tác hướng nghiệp và phân luồng học sinh

** Công tác chỉ đạo.*

- Tiếp tục triển khai công văn chỉ đạo của của Sở GDĐT Quảng Ninh và Phòng GD&ĐT thị xã Quảng Yên về Hướng dẫn thực hiện công tác hướng nghiệp và phân luồng HS năm học 2024 - 2025.

Giáo dục cho HS niềm yêu lao động và ý thức đúng đắn với nghề nghiệp phù hợp với thực tiễn của địa phương. Đổi mới nội dung và phương thức GD như cho HS tăng cường hoạt động trải nghiệm...Lồng ghép thông qua việc dạy tích hợp với các bài dạy ở tất cả các bộ môn.

**Kết quả đã đạt:* Cơ bản trang bị cho HS những kiến thức kỹ năng lao động cần thiết khi HS hết L9 có thể tham gia lao động sản xuất.

**Những tồn tại hạn chế:* Việc tuyên truyền ND này còn chưa sâu rộng. ND dạy còn chưa đa dạng.

6. Việc thực hiện chuyển đổi số trong nhà trường * Công tác chỉ đạo.

Thực hiện các nhiệm vụ chuyển đổi số trong hoạt động dạy học và quản lý giáo dục, bao gồm ứng dụng công nghệ thông tin trong việc đổi mới phương pháp và hình thức tổ chức dạy học, kiểm tra, đánh giá học sinh; sử dụng các phần mềm ứng dụng dạy học nhằm nâng cao chất lượng bài giảng, ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý quá trình dạy học và quản trị nhà trường.

**Kết quả đã đạt:* Đảm bảo đủ các loại hồ sơ, đảm bảo tính pháp lý, cập nhật thông tin thường xuyên.

**Những tồn tại hạn chế:* Do tình trạng tinh giản nên việc dồn bộ phận phụ trách còn chồng chéo công việc, không chuyên sâu ảnh hưởng khó khăn trong công tác chỉ đạo

Trên đây là Báo cáo thường niên tính đến 31/12/2025 trong năm học 2024-2025 của trường THCS Trần Hưng Đạo, nhà trường công khai các cấp quản lý, Cha mẹ học sinh, đội ngũ CBGV-NV nhà trường để nắm bắt và tiếp tục hỗ trợ nhà trường thực hiện tốt các nhiệm vụ giáo dục trong năm học 2024-2025 và năm học tiếp theo

Nơi nhận:

- Bảng tin thông báo NT
- Đăng trên trang Web đơn vị
- Lưu VT

HIỆU TRƯỞNG



Vũ Thị Giang